

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày 05-03-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu hủy một phần giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Mạnh Dũng

Ông Vũ Như Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" và thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn số 04/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Yêu cầu được quản lý, sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 2 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-TA, ngày 25/2/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vy Văn V, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn Bản K, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Nùng cho ông Vy Văn V: Chị Lô Thị Y, sinh năm 1990, địa chỉ: Khố phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Dương Công D, luật sư trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hoàng N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Trần Nam S, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Vắng mặt.

2. Bà Hà Thị I, sinh năm 1953. Vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1978. Vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1981. Có mặt.

Đều trú tại Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị I, chị Hoàng Thị L: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Bà Lý Thị P, sinh năm 1951. Có mặt.

7. Bà Chu Thị C, sinh năm 1981. Vắng mặt.

8. Cháu Vy Quốc T, sinh năm 2004. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Vy Quốc T: Ông Vy Văn T, sinh năm 1974. Có mặt.

9. Ông Vy Văn T1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

10. Ông Vi Văn H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

11. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, ông Hoàng Văn H cùng vợ là bà Hoàng Thị T mẹ là bà Hà Thị I, anh trai là Hoàng Văn H1, em gái là Hoàng Thị L trình bày: Gia đình ông có một lô đất trồng rừng có tên gọi là L (tên gọi khác là P) thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1995 Nhà nước giao sổ bìa xanh theo Quyết định số 88/QĐ-UBND, ngày 31/5/1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với lô đất số 208, có diện tích 2,7 ha mang tên chủ hộ Hoàng Văn L là bố đẻ của ông Hoàng Văn H. Năm 1999, ông Hoàng Văn L đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876554, ngày 01/10/1999 diện tích 1,7ha, thửa 208B tờ bản đồ đất lâm nghiệp xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2010 ông Hoàng Văn L chết, hai người con trai là Hoàng Văn H1 và Hoàng Văn H quản lý sử dụng mỗi người một phần diện tích. Năm 2008 Nhà nước đo đạc bản đồ mới thành thửa 600, diện tích 26.320m², tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, ông Hoàng Văn H làm nhà trên một phần diện tích và trồng các loại cây xung quanh nhà ở. Năm 2017, ông Vy Văn V đến tranh chấp cho rằng có đất trên bờ ruộng, nên ông có quyền quản lý và phát quang bờ ruộng, bà Chu Thị C là con dâu ông Vy Văn V đến nhổ phá 34 cây sớ loại mới trồng, bà Lý Thị P là vợ ông Vy Văn V và cháu Vy Quốc T là cháu nội của ông Vy Văn V đã cùng nhau đến chặt phá chuối để trồng sắn, làm nhà tạm trên đất tranh chấp. Giá trị quyền sử dụng đất có tranh chấp, ban đầu ông Hoàng

Văn H khởi kiện với diện tích tranh chấp là 1.200m², sau đó thay đổi yêu cầu khởi kiện tăng thêm diện tích là 1.422,4m², tuy nhiên không thay đổi về các phía tiếp giáp theo đơn khởi kiện, về giá trị theo kết quả định giá. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vy Văn V cùng các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích 1.422,4m² đất tại thửa đất số 600, tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Vy Văn V phải di dời nhà làm trái phép trên đất đi nơi khác để trả lại đất, yêu cầu bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T phải bồi thường thiệt hại 02 cây chuối bị chặt giá trị là 60.000đồng, đối với yêu cầu bà Chu Thị C phải bồi thường thiệt hại về 34 cây sớ bị nhỏ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn H đã tự nguyện rút yêu cầu đòi bồi thường đối với bà Chu Thị C, bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, ông Vy Văn V và vợ là bà Lý Thị P và cháu trai là Vy Quốc T trình bày: Gia đình ông có khu ruộng có tên gọi N thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn do ông cha để lại, phía trên là sườn đồi hàng năm gia đình vẫn phát quang bờ ruộng theo quy ước, hương ước thôn bản. Năm 2015, ông Hoàng Văn H tự ý san ủi nền nhà và làm nhà để ở trên đất bờ ruộng của ông, làm đất, đá lấn xuống ruộng của ông. Năm 2016 ông Hoàng Văn H tự ý trồng sớ, chuối trên đất tranh chấp. Nay không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H về việc chấm dứt tranh chấp và di dời nhà tạm đi nơi khác.

Ngày 15/12/2020, ông Vy Văn V đã làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Về đất lấy từ bờ ruộng kéo lên thửa 600 mỗi bên là 50 mét khoảng 700m² bao trùm lên phần diện tích nguyên đơn đã khởi kiện và phần nhà ở, công trình phụ và vườn của ông Hoàng Văn H đang sử dụng, trong quá trình tham gia tố tụng, ông Vy Văn V thay đổi tăng diện tích tranh chấp từ 700m² lên 1.554,8m² đối với yêu cầu phản tố nhưng vẫn giữ nguyên các các phía tiếp giáp theo yêu cầu phản tố đã nêu trên, yêu cầu ông Hoàng Văn H chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu ông Hoàng Văn H di dời nhà, công trình phụ và các loại cây trồng đi nơi khác để trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng, đồng thời yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ Hoàng Văn L đối với phần diện tích có tranh chấp.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông Vi Văn H, Vi Văn T1 và bà Hoàng Thị S trình bày: Năm 2015, các ông bà cùng với ông Hoàng Văn H đã góp tiền thuê máy xúc, san ủi làm đường dân sinh đi qua khu vực đất có tranh chấp hiện nay, khi giải quyết vụ án yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất đã làm đường để đi lại và yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ngày 08/12/2020, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tiến hành đo đạc đất tranh chấp và định giá tài sản đã xác định đất tranh chấp thuộc một phần diện tích của thửa đất số 600 và tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2008 có tên địa danh là P thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Xác định đất tranh chấp do giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn H với bị đơn ông Vy Văn V là một phần của thửa đất số 600, tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là đất sườn đồi có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm A đến B có chiều dài là 15,98 mét (tại vị trí đầu đường mòn có 01 ngôi miếu do ông Vy Văn V mới lập tạm bộ).

Phía Đông tiếp giáp với 4 thửa ruộng của ông Vy Văn V từ điểm B đến C, D có chiều dài là 82,20 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H1 đang sử dụng, từ điểm D đến E, có chiều dài là 21,61 mét.

Phía Tây tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang quản lý sử dụng, từ điểm E đến O, A, có chiều dài là 70,41 mét.

Tình trạng sử dụng đất: Đất tranh chấp có 1.422,4m², trên đất có 01 nhà tạm do ông Vy Văn V làm năm 2019 tại vị trí đường mòn, theo nguyên đơn cho biết khu vực dưới cây tre là số cây sớ bị bà Chu Thị C nhổ phá, cạnh đó là nơi 02 cây chuối bị bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T chặt phá, phần đất này được ông Vy Văn V trồng sắn năm 2018, khi xem xét thẩm định tại chỗ không xác định được cây sớ bị nhổ và chuối chặt phá vì sự việc xảy ra đã lâu, nay không còn dấu vết, đối với vườn sắn do ông Vy Văn V trồng, qua kiểm tra không còn cây sắn do trâu, bò thả rông năm trước đã ăn, phá hết không còn cây sắn trên đất tranh chấp. Đối với đường mòn kéo dài từ hướng Bắc đến hướng Nam trong khu đất tranh chấp, ở phía trên bờ ruộng, nay không còn sử dụng để đi lại, mặt đường đã có các loại cây tạp mọc tự nhiên. Theo kết quả định giá xác định về đất tranh chấp có giá trị là $1.422,4\text{m}^2 \times 5.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.112.000\text{đồng}$, 01 nhà tạm do ông Vy Văn V làm năm 2019 giá trị còn lại là 5.500.664đồng.

Xác định đất tranh chấp do bị đơn ông Vy Văn V thực hiện việc phản tố đối với nguyên đơn là một phần của thửa đất số 600, tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là đất sườn đồi có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm A đến M, L có chiều dài là 28,73 mét.

Phía Đông tiếp giáp với phần đất do nguyên đơn khởi kiện trong vụ án này thuộc thửa 600, từ điểm A đến O, E có chiều dài là 70,41 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H1 đang sử dụng, từ điểm E đến F, G, H, có chiều dài là 20,50 mét.

Phía Tây tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm H đến K, L, có chiều dài là 57,97 mét (theo sơ họa ngày 08/12/2020).

Tình trạng sử dụng đất: Đất tranh chấp từ bụi tre trở lên có 1.554,8m², trên đất có 01 nhà sàn 5 gian và các công trình phụ do ông Hoàng Văn H làm năm 2015 và các loại cây gồm khoai lang, sớ, hời, keo, xoan, mạy pì, tre, chuối hạt, quất, mận, đào, ổi, mắc mật, mít, trám, cây gỗ tạp, có 01 đường dân sinh được đổ bê tông đi ngang qua giữa phần đất tranh chấp từ các điểm A, O, F, G, N, M, các đương sự đều xác định đây là đường đi chung của các hộ Vi Văn T1, Vi Văn H, Hoàng Thị S và Hoàng Văn H thay thế cho đường mòn ở sát bờ ruộng. Theo bị đơn có yêu cầu phản tố cho biết khu vực đất này là đất trên bờ ruộng, ông có quyền quản lý để phát quang bờ ruộng theo quy ước thôn bản và vẫn cho các hộ dân sử dụng đường dân sinh đi lại không có tranh chấp. Theo kết quả định giá xác định về đất tranh chấp có giá trị là $1.554,8\text{m}^2 \times 5.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.774.000\text{đồng}$, 01 nhà sàn của ông Hoàng Văn H làm năm 2015 giá trị còn lại là 108.382.560đồng, chuồng lợn và chuồng gà giá trị còn lại là 13.823.473đồng, nhà vệ sinh giá trị còn lại là 10.448.736đồng, tép nước giá trị còn lại là 3.060.000đồng, vườn khoai lang 20m² giá trị sản lượng là 130.000đồng, sớ có 02 loại gồm: 30 cây sớ đường kính gốc từ 15 đến 20cm có giá là 825.000đồng, 27 cây sớ đường kính gốc dưới 5 cm là 1.026.000đồng; 01 cây hời đường kính gốc trên 5 cm là 500.000đồng; keo gồm 5 loại

gồm: keo 14 cây mới trồng là 336.000đồng, keo 02 cây đường kính gốc dưới 5cm là 16.000đồng, keo 03 cây đường kính gốc từ 5 đến 10 cm là 72.000đồng, keo 03 cây đường kính gốc từ 10 đến 20 cm là 66.000đồng, keo 02 cây, đường kính gốc từ 20 đến 30 cm là 234.000đồng; xoan 02 cây đường kính gốc dưới 5 cm là 16.000đồng; mạy pì 05 cây là 37.500đồng; 01 cây tre là 2.500đồng, chuối hạt (chuối hột) 04 cây là 28.000đồng; quất 01 cây là 51.000đồng; mận 03 cây đường kính gốc dưới 5 cm là 165.000đồng; đào 02 cây là 110.000đồng; ổi 02 cây đường kính gốc dưới 2 cm là 66.000đồng; mận mật 02 cây là 106.000đồng; mít 01 cây là 53.000đồng; trám có 2 loại gồm: 01 cây là đường kính gốc 5 đến 10 cm là 230.000đồng, trám 02 cây đường kính gốc từ 10 đến 15 cm là 860.000đồng; gỗ tạp 02 m³ Ste là 600.000đồng.

Tại công văn số: 42/UBND-TNMT ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876554, số vào sổ 0127/QSDĐ/236/QĐ-UB cho hộ Hoàng Văn L, thửa đất 208B, diện tích 17.000m² là đúng quy trình, thụ tục theo quy định. Về quy ước, hương ước, Ủy ban nhân dân huyện không ban hành quy ước, hương ước nào, ông Vy Văn V yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận đã cấp cho hộ Hoàng Văn L là không phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Tại Công văn số 10/UBND, ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho biết Ủy ban nhân dân xã không có quy ước hoặc hương ước nào quy định về việc chủ sử dụng rừng phía trên ruộng của hộ khác phải bỏ ra bao nhiêu mét để hộ bên dưới phát quang bờ ruộng.

Tại Công văn số 28/NN, ngày 26/01/2021, của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Loại cây Sở đường kính gốc từ 15 đến 20 cm, cây Keo đường kính gốc 5 đến 30 cm, cây Trám đường kính từ 05 đến 15 cm không thể di dời được, việc di dời cây sẽ không đảm bảo khả năng sống và phát triển bình thường của cây. Loại cây Xoan, cây Mận, cây Ổi, cây Quất, cây Mận mật, cây Chuối, cây Đào có thể di dời đi nơi khác trồng với điều kiện khi di dời phải đào khoanh quanh gốc, bó bầu từng cây và di chuyển đến nơi đất tốt, khi trồng lại cây vẫn đảm bảo sống và phát triển bình thường nếu điều kiện thời tiết thuận lợi và được chăm sóc tốt. Tre 01 bụi, 01 bụi Mạy pì 05 cây: Có thể tách gốc để trồng ra nơi mới nhưng phải đúng thời vụ và là trồng mới. Không thể di chuyển được cả bụi. Vườn Khoai lang 20 m² là loại cây trồng bằng dây và tại thời điểm hiện nay do mùa đông giá lạnh, nhiệt độ thấp kéo dài kèm theo sương giá, sương muối nên không di dời được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải ngày 12/01/2021 nhưng không thành. Ông Hoàng Văn H tự nguyện rút một phần các yêu cầu đối với yêu cầu bà Chu Thị C phải bồi thường thiệt hại về cây sở bị nhổ phá và yêu cầu bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T phải bồi thường thiệt hại 02 cây chuối bị chặt. Nay còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vy Văn V cùng các thành viên trong gia đình phải chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích 1.422,4m², tại thửa 600, và buộc ông Vy Văn V phải di dời ngôi nhà tạm đi nơi khác để trả lại đất, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Bên bị đơn ông Vy Văn V có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Hoàng Văn H cùng các thành viên trong gia đình phải chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích 1.554,8m², tại thửa 600, và buộc ông Hoàng Văn H phải di dời ngôi nhà sàn và các công trình phụ, các loại cây trồng đi nơi khác để trả lại đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ

Hoàng Văn L đề ông được quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất có tranh chấp là 2.977,2m² tại thửa đất 600, tờ bản đồ số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm về yêu cầu và nội dung tranh chấp. Đối với ngôi miếu do ông Vy Văn V tự lập ở ngay cạnh đường mòn nằm ngoài sát diện tích tranh chấp, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Vy Văn V, nêu bản luận cứ thừa nhận về yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử cho các đương sự thỏa thuận để ông Vy Văn V được sử dụng một phần diện tích với mục đích phát quan bờ ruộng, Miễn án phí cho bị đơn, xem xét giải quyết về chi phí tố tụng theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự khi tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nên không có kiến nghị gì.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 186, 189, 190 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 26, 91, 155, 157, 165, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết: Về nội dung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã được nguyên đơn rút yêu cầu đối yêu cầu bà Chu Thị C, bà Lý Thị P, cháu Vy Quốc T bồi thường thiệt hại về tài sản là 34 cây sớ và 02 cây chuối bị nhổ và chặt phá, đề nghị giải quyết cho ông Hoàng Văn H được quản lý sử dụng 2.977,2m² đất tranh chấp bao gồm yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn về diện tích đất, bác yêu cầu di dời tài sản theo yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vy Văn V vì không có căn cứ. Buộc ông Vy Văn V cùng các thành viên trong gia đình phải chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích đất trên, buộc bị đơn di dời ngôi nhà tạm đi nơi khác để trả lại đất cho bên nguyên đơn, trả lại án phí cho ông Hoàng Văn H, miễn án phí cho ông Vy Văn V, xem xét buộc bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc bản đồ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu hủy quyết định cá biệt theo khoản 1 Điều 31 của Bộ luật Tố tụng hành chính là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Về quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc thụ lý vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn và thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là mẹ, vợ và các anh chị, em của bên nguyên đơn đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đối với bà Chu Thị C không có mặt tại địa phương, nguyên đơn đã rút phần

yêu cầu bồi thường và không có khiếu nại gì, nên xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Khu đất có tên địa danh là P, thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là đất rừng tự nhiên. Năm 1995, khi Nhà nước lập hồ sơ Giao quyền quản lý đất trồng rừng và bảo vệ rừng (gọi tắt là sổ Bìa xanh), ông Hoàng Văn L đăng ký quyền sử dụng đất thì được cấp sổ bìa xanh đối với lô đất 208 theo quyết định số Quyết định số 88/QĐ-UBND, ngày 31/5/1995 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với lô đất số 208, có diện tích 2,7 ha mang tên hộ Hoàng Văn L. Ngày 16/7/1999 ông Hoàng Văn L làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 876554, ngày 01/10/1999, diện tích 17.000m², tại thửa 208B. Năm 2008 Nhà nước đo đạc bản đồ thành thửa 600, diện tích 26.230m², tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sau khi ông Hoàng Văn L chết, các con là ông Hoàng Văn H1 và Hoàng Văn H quản lý, canh tác mỗi người một phần nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thực tế ông Hoàng Văn H1 và Hoàng Văn H đã tự đăng ký trên sổ mục kê của xã và khi vẽ bản đồ đã cắt tách thửa 600 thành 02 thửa đất là đường kẻ từ các điểm C, O, N, K nhưng thực tế sử dụng đất thực tế là theo đông dôi từ các điểm D, E, F, G, H và kéo thẳng lên đến đông dôi, tại thực địa ông Hoàng Văn H1 và các thành viên trong gia đình cũng thừa nhận và không có tranh chấp. Năm 2015 ông Hoàng Văn H cùng các hộ là Vi Văn T1, Vi Văn H và Hoàng Thị S san ủi làm đường dân sinh đi qua thửa đất, ông Hoàng Văn H san ủi làm nền nhà, làm nhà ở và công trình phụ trong năm 2015, năm 2016 trồng các loại cây xung quanh nhà, phía ông Vy Văn V cùng các thành viên trong gia đình cho rằng đất trên bờ ruộng có quyền quản lý sử dụng và phát quang bờ ruộng thì phát sinh tranh chấp.

[3] Đối với phần đất đã làm đường dân sinh từ các điểm A, O, F, G, N, M có diện tích S3 = 45,3m² và S4 = 211,9m² đều nằm trong thửa đất số 600, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Vi Văn T1, Vi Văn H và bà Hoàng Thị S từ năm 2015 đã thỏa thuận với chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Hoàng Văn H để làm đường dân sinh, ông Vy Văn V cũng thừa nhận là lối đi chung của các hộ nêu trên và không có tranh chấp trong vụ án này, cần xác định đây là lối đi chung, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét và giao phần đất làm đường dân sinh này cho ông Hoàng Văn H quản lý sử dụng, các hộ liên quan có quyền đi lại, nếu có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về vị trí tranh chấp do nguyên đơn yêu cầu giải quyết là 1.422,4m² từ các điểm A, B, C, D, E, O thuộc một phần diện tích của thửa đất số 600, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2008, trên đất có 01 ngôi nhà tạm do ông Vy Văn V làm năm 2019 và 01 con đường mòn đi ngang qua đất tranh chấp, cần được giải quyết trong vụ án này. Đối với diện tích đất đường mòn cũ, nay không còn sử dụng để đi lại nữa, đã có các loại cây bụi mọc tự nhiên, cần giao cho chủ sử dụng đất hợp pháp để quản lý sử dụng theo mục đích đất đã được cấp.

[5] Vị trí tranh chấp giữa ông Vy Văn V phản tố đối với nguyên đơn, ông Hoàng Văn H có 2 vị trí gồm: Vị trí thứ nhất từ các điểm O, E, F diện tích S7 = 319,1m², vị trí thứ 2 từ các điểm M, N, G, H, K, L diện tích S5 = 377,9m² và S6 = 600,6m² đều nằm trên thửa đất số 600 và ông Hoàng Văn H làm nhà ở cùng các công trình phụ từ năm

2015 và trồng các loại cây ăn quả, cây công nghiệp từ năm 2016 trên cả 3 vị trí S5, S6 và S7. Vị trí các hộ Vi Văn T1, Vi Văn H, bà Hoàng Thị S và Hoàng Văn H đã làm đường dân sinh từ các điểm A, O, F, G, N, M diện tích S3 = 45, 3m² và S4 = 211,9m² đều nằm trên thửa đất số 600. Tổng diện tích tranh chấp theo yêu cầu phản tố tại các vị trí S3, S4, S5, S6 và S7 là 1.554,8m² từ các điểm A, O, E, F, G, H, K, L, M thuộc một phần diện tích của thửa đất số 600, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 2008.

[6] Về nguyên nhân dẫn đến tranh chấp: Khu vực đất tranh chấp là đất trồng rừng ngay phía trên giáp với 4 thửa ruộng của ông Vy Văn V, bên bị đơn cho rằng, đất ở phía trên bờ ruộng thì theo tập quán có quyền quản lý lên đến 50 mét để phát quang bờ ruộng, đối với đất ruộng của ông Vy Văn V không có tranh chấp, khi ông Hoàng Văn H tiến hành làm nhà ở, ủi đất làm đường dân sinh có làm đất, đá lăn xuống ruộng, sau đó trồng các loại cây thì phía ông Vy Văn V đến chặt phá và phát sinh tranh chấp.

[7] Đánh giá chứng cứ: Khu đất rừng có tên gọi là L (tên gọi khác P) là đất rừng tự nhiên, năm 1995 được Nhà nước giao sổ bìa xanh lô 208, diện tích 2,7 ha cho hộ Hoàng Văn L. Năm 1999 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn khẳng định thửa đất số 208B được giao đúng quy trình, thủ tục, theo kết quả xác minh của Tòa án thì Phòng Tài nguyên môi trường khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn L và khi Nhà nước đo đạc bản đồ năm 2008 thành thửa đất 600, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là đúng vị trí đất đã cấp cho ông Hoàng Văn L năm 1999 tại thửa 208B.

[8] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông Vy Văn V cho rằng đất tranh chấp là đất phía trên bờ ruộng do gia đình ông quản lý phát quang ruộng theo quy ước, hương ước tại địa phương từ bờ ruộng trở lên đến 50 mét là lý do để ông Vy Văn V tranh chấp. Việc ông Hoàng Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do lấn chiếm đất của ông vì thời điểm xin giao sổ bìa xanh ông đã xin nhưng không được cấp, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Hạt kiểm lâm và thôn B thì thấy tại thời điểm ông Vy Văn V xin giao sổ bìa xanh đối với lô đất số 197 tên gọi P1, trên sổ mô tả của hạt kiểm lâm đã bị gạch bỏ như vậy hộ ông Vy Văn V không được giao sổ bìa xanh tại thời điểm nhà nước giao đất, trên thực tế lô đất P1 ông Vy Văn V đã trồng hồi, hiện nay đang quản lý, sử dụng không có tranh chấp và cách vị trí đất tranh chấp là lô đất 208 đã giao bìa xanh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Hoàng Văn L khoảng 1 km và không liên quan gì đến đất tranh chấp, việc cấp đổi từ bìa xanh sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng vị trí, do vậy ông Vy Văn V cho rằng ông Hoàng Văn L gạch bỏ trên sổ lâm bạ của ông để kê khai được cấp khu đất tranh chấp là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đều cho biết không có quy ước hoặc hương ước nào quy định về việc cho phép hộ dân được phát quang bờ ruộng. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu ông Vy Văn V cung cấp chứng cứ về quy ước, hương ước hoặc các loại giấy tờ về việc sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp, nhưng đến nay, tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ông Vy Văn V không cung cấp được chứng cứ, chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình. Do vậy, ông Vy Văn V yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận đối với diện tích đã cấp cả phần diện tích nguyên đơn khởi kiện và phần diện tích phản tố từ điểm B đến

các điểm A, M, L, K, H, G, F, E, D, C để được sử dụng toàn bộ diện tích 2.977,2m² bao gồm cả diện tích ngoài phạm vi khởi kiện của nguyên đơn mà ông thực hiện quyền phản tố và buộc ông Hoàng Văn H di dời tài sản trên đất đi nơi khác để được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ. Nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích tranh chấp là 2.977,2m² từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M đều nằm trong thửa đất số 600 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và buộc bên bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp là có căn cứ. Đồng thời bác yêu cầu của ông Vy Văn V về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn L là không có căn cứ. Đồng thời cần giao toàn bộ tài sản gồm nhà sàn 5 gian cùng các công trình phụ, các loại cây trồng, cây rừng tự nhiên cho ông Hoàng Văn H là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Buộc ông Vy Văn V phải di dời ngôi nhà tạm làm trái phép trên đất tranh chấp đi nơi khác để trả lại đất cho chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Hoàng Văn H là có căn cứ và phù hợp với quy định.

[9] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản: Bên nguyên đơn ban đầu yêu cầu bà Chu Thị C bồi thường thiệt hại đối với 34 cây sở bị nhổ phá năm 2017 với số tiền là 1.360.000đồng, trong quá trình giải quyết, ông Hoàng Văn H thấy sự việc xảy ra đã lâu, hơn nữa bà Chu Thị C không có mặt tại địa phương không rõ địa chỉ hiện nay, nên ngày 12/01/2021 ông Hoàng Văn H đã tự nguyện rút yêu cầu. Đối với yêu cầu bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T phải bồi thường thiệt hại 02 cây chuối hột bị chặt phá mỗi người 01 cây giá trị là 60.000đồng, ngày 27/01/2021 ông Hoàng Văn H rút yêu cầu đòi bà Lý Thị P và cháu Vy Quốc T bồi thường, nên đình chỉ yêu cầu giải quyết về thiệt hại đối với các tài sản nêu trên là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bị đơn ông Vy Văn V có đơn xin Miễn án phí, thấy ông Vy Văn V thuộc đối tượng người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, nguyên đơn đã rút yêu cầu, Tòa án đình chỉ nên các bên không phải chịu án phí.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc bản đồ đã chi: Chi phí thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng và định giá tài sản, tiền thuê xe ô tô là 3.200.000đồng, chi phí đo đạc bản đồ là 8.451.000đồng. Tổng chi phí đã chi là 13.651.000đồng. Ông Hoàng Văn H đã nộp đủ, tại phiên tòa các bên không thỏa thuận được về việc chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc bản đồ và không thỏa thuận được việc phải trả lãi chậm trả. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận, nên cần xem xét buộc ông Vy Văn V phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên và chịu lãi xuất chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[12] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn về phần miễn án phí là có căn cứ, cần được chấp nhận. Các phần khác không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 190, khoản 1 Điều 291, khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 24, khoản 9 Điều 26, khoản 2 Điều 91, các Điều 155, 163, các khoản 1 và 6 Điều 165, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn Vy Văn V về việc yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 1.554,2m² từ các điểm A, O, E, F, G, H, K, L, M là một phần diện tích của thửa đất số 600, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu ông Hoàng Văn H di dời nhà và tài sản đi nơi khác, yêu cầu hủy một phần diện tích là 2.977,2m² trong giấy chứng nhận số N 876554, ngày 01/10/1999 đối với thửa đất số 208B.

3. Về đất tranh chấp: Ông Hoàng Văn H được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2.977,2m² từ các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M thuộc một phần diện tích của thửa đất số 600, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có địa danh là P, thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn bao gồm phần diện tích nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận và phần diện tích đất bị đơn phản tố không được Tòa án chấp nhận có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm B đến A, M, L có chiều dài là 44,71m.

Phía Đông tiếp giáp với 4 thửa ruộng của ông Vy Văn V từ điểm B đến C, D có chiều dài là 82,20 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm D đến E, F, G, H, có chiều dài là 42,11m.

Phía Tây tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 600 do ông Hoàng Văn H đang sử dụng, từ điểm H đến K, L có chiều dài là 57,97 mét (có mảnh trích đo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 08/12/2020 kèm theo).

4. Về tài sản trên đất:

- Giao toàn bộ tài sản là nhà ở, công trình phụ và các loại cây trồng, cây rừng mọc tự nhiên hiện có trên đất là tài sản của hộ ông Hoàng Văn H cho ông Hoàng Văn H quản lý, sử dụng.

- Buộc ông Vy Văn V và các thành viên trong gia đình phải di dời ngôi nhà tạm đi nơi khác để trả lại đất cho ông Hoàng Văn H quản lý, sử dụng.

- Buộc ông Vy Văn V cùng các thành viên trong gia đình phải chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích 2.977,2m² đất tại thửa số 600, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đình chỉ giải quyết về yêu cầu bà Chu Thị C bồi thường thiệt hại về 34 cây sớ bị nhổ phá, yêu cầu bà Lý Thị P, cháu Vy Quốc T chặt 02 cây chuối do nguyên đơn rút yêu cầu. Ông Hoàng Văn H có quyền khởi kiện lại vụ án về yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng vụ án khác.

5. Về án phí:

- Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Hoàng Văn H số tiền là 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000768 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

- Ông Vy Văn V được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm Dân sự.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc bản đồ:

- Xác nhận ông Hoàng Văn H đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí đo đạc bản đồ là 13.651.000đồng.

- Buộc ông Vy Văn V phải chịu số tiền chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bản đồ là 13.651.000đồng (mười ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng), để trả lại cho ông Hoàng Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ủy ban nhân dân huyện B, bà Hà Thị I, ông Hoàng Văn H1, bà Hoàng Thị L, bà Chu Thị C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi